

**NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG NGÀY BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHOÁ XVI
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 – 2031 !**



**"Quốc hội ta do toàn dân tự do bầu cử,
là đại biểu chân chính của nhân dân cả nước
từ Bắc đến Nam"**

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH



QUỐC HỘI VIỆT NAM
NATIONAL ASSEMBLY OF VIET NAM

TUYÊN TRUYỀN

**CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CUỘC BẦU CỬ

II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ



I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CUỘC BẦU CỬ



**NGÀY BẦU CỬ LÀ NGÀY HỘI
ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC!**



I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CUỘC BẦU CỬ

Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân được Hiến pháp năm 2013 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ghi nhận. Bầu cử là phương thức thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và thành lập cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương nói riêng.





I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CUỘC BẦU CỬ

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 diễn ra trong bối cảnh công cuộc đổi mới ở nước ta sau 40 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực đời sống, xã hội.

Đây là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, diễn ra trong bối cảnh kỷ niệm 80 năm Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội Việt Nam và ngay sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; là nơi để cử tri phát huy quyền làm chủ của công dân, lựa chọn bầu ra những người tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

HÀNH TRÌNH 80 NĂM QUỐC HỘI VIỆT NAM (1946 - 2026)

1946 - 1960

QUỐC HỘI KHÓA I: KHÁNG CHIẾN & KIẾN QUỐC



- Nhiệm kỳ đặc biệt 14 năm.
- Tổ chức 12 kỳ họp.
- Thông qua Hiến pháp 1946 & 1959.
- Ban hành 16 đạo luật, 50 nghị quyết.

1960 - 1980

QUỐC HỘI TỪ KHÓA II ĐẾN KHÓA VI



- Quốc hội hoạt động theo Hiến pháp 1959 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 1960.
- 1976 (QH Khóa VI): Đổi tên nước thành CHXHCN Việt Nam.
- Thủ đô Hà Nội.
- Thông qua Hiến pháp 1980 (12.1980).

1980 - 1992

KHỞI ĐẦU SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI



- Quốc hội Khóa VII & Khóa VIII.
- Thông qua Hiến pháp 1992.
- Ban hành 2 bộ luật, 35 đạo luật, 35 nghị quyết, 54 pháp lệnh.

1992 - 2026

ĐỔI MỚI MẠNH MẼ, HỘI NHẬP SÂU RỘNG



- Khóa XIII (2013): Thông qua Hiến pháp năm 2013; Lần đầu lấy phiếu tín nhiệm.
- Khóa XIV: Ứng dụng CNTT (Họp trực tuyến & tập trung).
- Khóa XV: Tỷ lệ cử tri bầu cử kỳ lục (99,6%).
- 16.06.2025: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013.
- KỶ LỤC: Kỳ họp thứ 10 thông qua 51 luật, 39 nghị quyết.



I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CUỘC BẦU CỬ

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tổ chức cùng một ngày trên phạm vi cả nước, sẽ được tiến hành **vào Chủ nhật, ngày 15 tháng 3 năm 2026** - sớm hơn so với chu kỳ bầu cử trong những nhiệm kỳ trước.



II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN





II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1

**Vị trí, vai trò của
Quốc hội và Hội đồng
nhân dân**

1.1. Vị trí, vai trò của Quốc hội

1.2. Vị trí, vai trò của HĐND

2

**Vị trí, vai trò của đại
biểu Quốc hội và đại biểu
Hội đồng nhân dân**

*2.1 Vị trí, vai trò của đại
biểu Quốc hội*

*2.2 Vị trí, vai trò của đại
biểu Hội đồng nhân dân*

3

**Tiêu chuẩn đại biểu
Quốc hội và đại biểu
Hội đồng nhân dân**

4

**Số lượng đại biểu
Quốc hội và đại biểu
Hội đồng nhân dân**

4.1 Số lượng đại biểu Quốc hội

4.2 Số lượng đại biểu HĐND

4.3 Đơn vị bầu cử

4.4 Khu vực bỏ phiếu



II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân

1.1. Vị trí, vai trò của Quốc hội

Điều 69 Hiến pháp năm 2013 và Điều 1 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định: “*Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.*”.

Khoản 1 Điều 71 Hiến pháp năm 2013 và Khoản 1 Điều 2 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định: “*Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội là 05 năm, kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa sau.*”.





II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân

1.1. Vị trí, vai trò của Quốc hội

a) Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, bởi vì:

- Theo quy định của Hiến pháp (Khoản 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013), thì ở nước ta “Tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân”.
- Thể hiện ở chức năng của Quốc hội: Theo quy định của Hiến pháp, Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, làm luật và sửa đổi luật.
- Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Không một cơ quan nào đứng trên Quốc hội trong xem xét, đánh giá việc thi hành Hiến pháp, luật - những văn bản mà chỉ Quốc hội mới có quyền ban hành.
- Quốc hội bầu, phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm các chức danh trong bộ máy nhà nước và miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu, hoặc phê chuẩn theo quy định.



II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân

1. Vị trí, vai trò của Quốc hội

b) Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân:

- Trước hết về cách thức thành lập, Quốc hội là cơ quan do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- Về cơ cấu tổ chức, đại biểu Quốc hội là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất cấu thành Quốc hội. Đại biểu Quốc hội là những công dân ưu tú trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, đại diện cho các tầng lớp Nhân dân và các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

- Chức năng và nhiệm vụ của Quốc hội được quy định toàn diện trên các lĩnh vực: lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, nhằm phục vụ cho lợi ích chung của toàn thể Nhân dân.



*Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm và các đồng chí Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dự Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội Việt Nam (06/01/1946 – 06/01/2026)
(Ảnh: Báo Nhân Dân)*



II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân

1.2. Vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân

Điều 113 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.*”.



II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân

1.2. Vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân

Khoản 1 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 quy định: “*Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.*”.





II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân

1.2. Vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân

Khoản 4 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 quy định: “*Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân là 05 năm kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới. Việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*”.





II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

2. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân

2.1. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội

Điều 79 Hiến pháp năm 2013 quy định:

1. *Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước.*

2. *Đại biểu Quốc hội liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn, giúp đỡ việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.*

3. *Đại biểu Quốc hội phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.*



Toàn cảnh phiên khai mạc kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV
(Ảnh: TTXVN)



II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

2. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân

2.2. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân

Điều 115 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đơn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân. Người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị ở địa phương. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị này có trách nhiệm tiếp đại biểu, xem xét, giải quyết kiến nghị của đại biểu.”.



II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

2. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân

2.2. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân

Khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 quy định: “Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.”.





II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

3. Tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

Người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031 phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định **tại Luật Tổ chức Quốc hội** (Điều 22 và khoản 1 Điều 1 Luật số 65/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014) và **Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025** (khoản 3 Điều 5).





II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

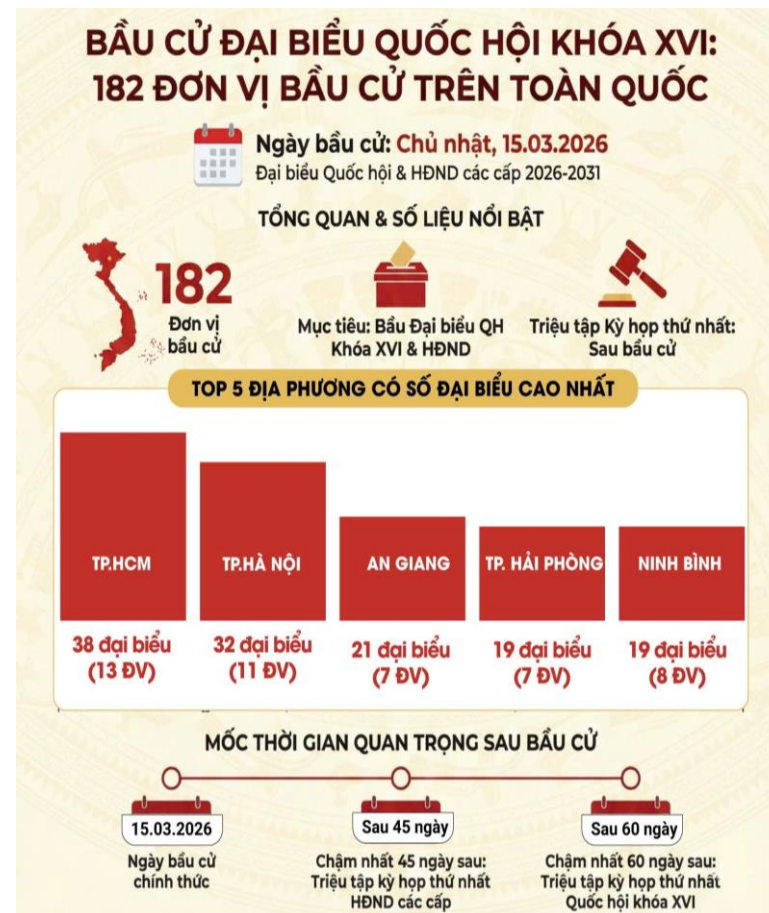
4. Số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

4.1. Số lượng đại biểu Quốc hội

Điều 7 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 được sửa đổi bởi điểm c khoản 24 Điều 1 Luật số 83/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định như sau:

“Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trên cơ sở sau đây:

- Mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất ba đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;
- Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là năm trăm người.”.





II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

4. Số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

4.2. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân

Điều 9 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 1 Luật số 83/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định về dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân



*Hội nghị tổng kết công tác HĐND TP.HCM khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026
(Ảnh: Báo tuổi trẻ)*



II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

4. Số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

4.3. Đơn vị bầu cử

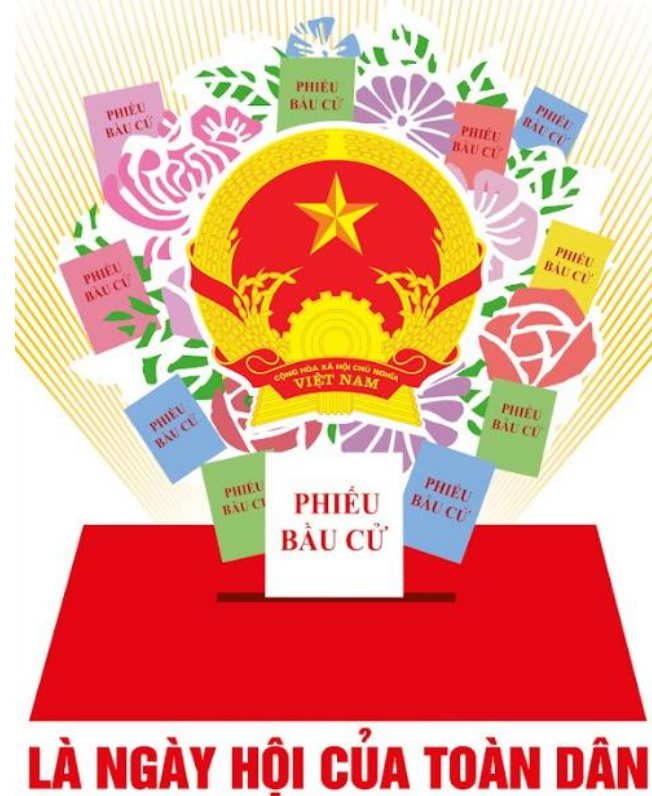
Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Luật số 83/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân sửa đổi 2025 quy định đơn vị bầu cử như sau:

“1. Đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo đơn vị bầu cử.

...

4. Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được bầu không quá ba đại biểu. Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu không quá năm đại biểu.”.

BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031





II. QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

4. Số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

4.4. Khu vực bỏ phiếu

Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 Luật số 83/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân sửa đổi 2025 quy định Khu vực bỏ phiếu như sau:

- 1. Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân chia thành các khu vực bỏ phiếu....*
- 2. Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến bốn nghìn cử tri. Ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu.*
- 3. Các trường hợp có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng....*
- 4. Việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh....*



(Ảnh: TTXVN)

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ





III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ

1

Nguyên tắc bầu cử đại biểu
Quốc hội khóa XVI và
đại biểu HĐND các cấp
nhiệm kỳ 2026 - 2031

2

Cử tri theo quy định của
Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội
và đại biểu Hội đồng nhân dân
năm 2015, Luật số
83/2025/QH15

2.1. Nguyên tắc lập danh sách cử tri

*2.2. Những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc
bổ sung tên vào danh sách cử tri*

2.3. Thẩm quyền lập danh sách cử tri

2.4. Niêm yết danh sách cử tri

2.5. Khiếu nại về danh sách cử tri

2.6. Bỏ phiếu ở nơi khác

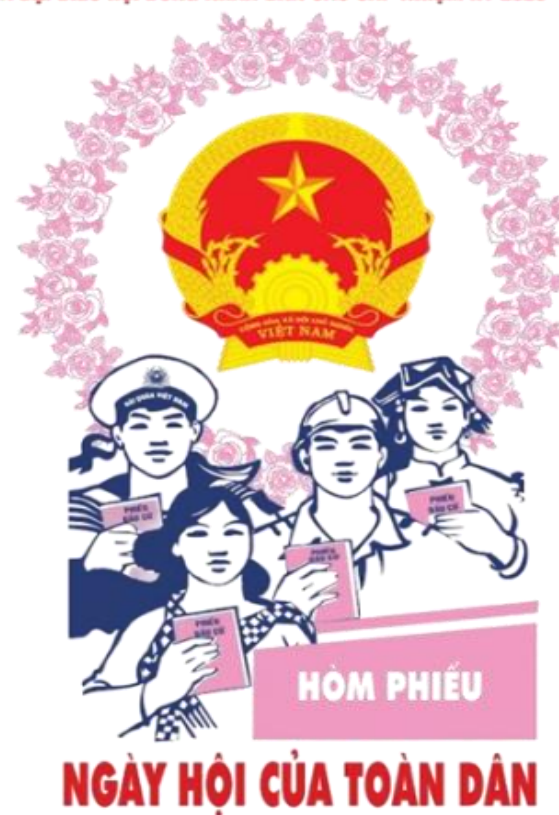


III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ

1. Về nguyên tắc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Hiến pháp năm 2013 và Điều 1 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 thì: “Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín”.

BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031





III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ

2. Về cử tri

2.1. Nguyên tắc lập danh sách cử tri: Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 được sửa đổi bởi điểm **b khoản 24 Điều 1** Luật số 83/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định:

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015.

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3.

4.

5.



(Ảnh minh họa)



III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ

2. Về cử tri

2.2. Những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri:

Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 được sửa đổi bởi **điểm b khoản 24 Điều 1** Luật số 83/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015.



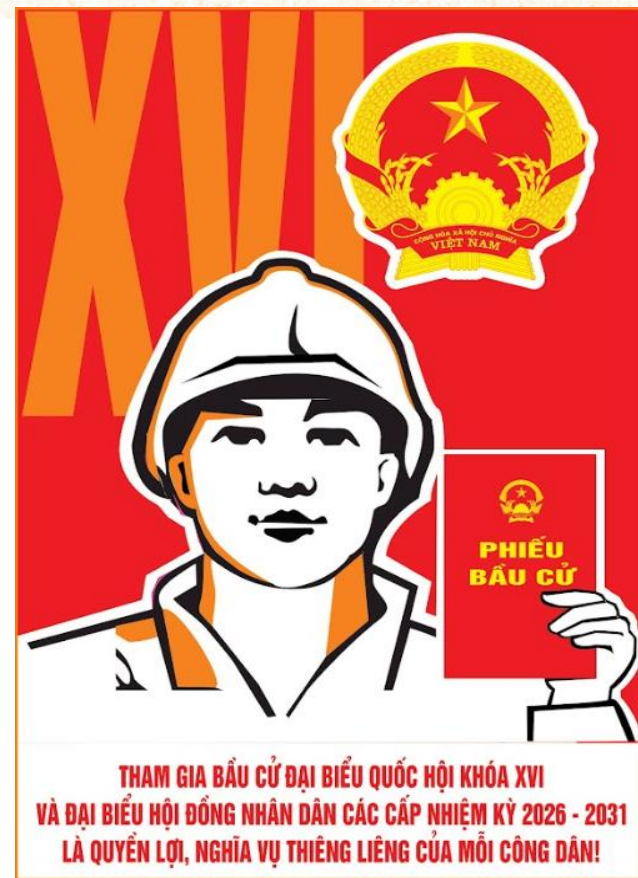
III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ

2. Về cử tri

2.2. Thẩm quyền lập danh sách cử tri

Theo Điều 31 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, Luật số 83/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015:

- Danh sách cử tri do UBND cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu.
- Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân.....





III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ

2. Về cử tri

2.4. Niêm yết danh sách cử tri

Điều 32 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, Luật số 83/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015: quy định: “*Chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử, cơ quan lập danh sách cử tri niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở UBND cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.*”





III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ

2. Về cử tri

2.5. Khiếu nại về danh sách cử tri

Điều 33 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định “*Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh, sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.*”.



III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CUỘC BẦU CỬ

2. Về cử tri

2.6. Bỏ phiếu ở nơi khác

Điều 34 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định “*Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”. ”.*





TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!